

**Bản án số: 146/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Ngọc Yến Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**

Ông Nguyễn Văn Bạ

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Minh Tuấn** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 628/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Trần T** – Sinh năm: 1964; ĐKKHKT: Số ... Hùng V, phường Lộc T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Bà **Lê Thị Kim T** – Sinh năm: 1964; Nơi ĐKKHKT: Số ... Hùng V, phường Lộc T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Trần T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị Kim T tự nguyện kết hôn năm 1988, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung sống, do vấn đề kinh tế nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng. Hiện tại, chúng tôi đang tự sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Kim T.

Về con chung: Chúng tôi có 03 (Ba) con chung là Trần Lê Anh T, sinh năm: 1985; Trần Lê Anh T, sinh năm: 1992 và Trần Anh T, sinh năm: 2002. Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, bị đơn bà Lê Thị Kim T trình bày:*

Tôi và ông Trần Thìn tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1988, tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung sống hơn 40 năm nay, tôi không làm gì sai trái với ông T cũng như gia đình chồng. Cả một đời tôi hy sinh hết cho chồng con. Tuy nhiên, cách đây hơn 10 năm, tôi phát hiện ông T thường xuyên có mối quan hệ ngoài luồng, hết người này đến người khác. Thời gian đầu, tôi có lên tiếng can ngăn thì ông T từ chối, không nhận là có người phụ nữ khác. Sau này, tôi nghĩ đến danh dự gia đình cũng như muốn các con tôi có cha nên tôi chịu đựng, không làm lớn chuyện vì sợ sẽ ảnh hưởng đến công việc của chồng, con. Tháng 9/2021, tôi và gia đình bắt gặp ông T đang ở trong khách sạn. Thì đến khoảng tháng 10/2021, ông T tự động bỏ nhà ra ở riêng và từ đó không hề quay lại thăm gia đình. Nay, ông T yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý, vì tôi cảm thấy tôi có lỗi gì.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là Trần Lê Anh T, sinh năm: 1985; Trần Lê Anh T, sinh năm: 1992 và Trần Anh T, sinh năm: 2002. Các con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Trần T và bị đơn bà Lê Thị Kim T đều vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Điều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần T được ly hôn bà Lê Thị Kim T; Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết; Án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần T và bị đơn bà Lê Thị Kim T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Ông Trần T và bà Lê Thị Kim T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1988, tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 588/88, quyển số 01, ngày đăng ký: 25/4/1988. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T không hạnh phúc một phần do vấn đề kinh tế gia đình, một phần do ông T không chung thủy, làm phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Ông T và bà T đã tự sống ly thân từ khoảng tháng 10/2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân của ông T và bà T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Các đương sự khai có 03 (Ba) con chung là Trần Lê Anh T, sinh năm: 1985; Trần Lê Anh T, sinh năm: 1992 và Trần Anh T, sinh năm: 2002. Các con chung đã trưởng thành và đều khỏe mạnh; Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Các đương sự khai không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] Về án phí:

Ông Trần T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0011863 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông Trần T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần T được ly hôn bà Lê Thị Kim T.

2. *Về con chung*: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. *Về án phí*: Ông Trần T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0011863 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông Trần T đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND phường Tân L, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 588, ngày: 25/4/1988);
- Lưu: Ấn văn + hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lương Ngọc Yến Anh